

Số: 114 /LĐLĐ-VP

Ninh Bình, ngày 19 tháng 5 năm 2022

Về việc báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn
6 tháng đầu năm 2022

Kính gửi:

- Các Ban LĐLĐ tỉnh;
- Các LĐLĐ huyện, thành phố, CDN;
- Trường TC Kỹ thuật DL Công đoàn Ninh Bình.

Thực hiện Công văn số 4091/TLĐ-VP ngày 10/5/2022 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về việc báo cáo kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2022, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đề nghị các đơn vị báo cáo kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 theo một số nội dung gợi ý như sau:

I. Về tình hình công nhân, viên chức, lao động

Khái quát tình hình việc làm, thu nhập, đời sống của người lao động; tình hình quan hệ lao động, tai nạn lao động; những vấn đề có tác động đến tổ chức và hoạt động công đoàn.

II. Kết quả hoạt động công đoàn 6 tháng đầu năm 2022

Báo cáo cần ngắn gọn, có số liệu chứng minh cụ thể; nêu rõ những khó khăn, vướng mắc, đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân.

Bên cạnh đánh giá kết quả hoạt động công đoàn trên các mặt công tác¹, những hoạt động thường xuyên, định kỳ, đề nghị tập trung vào một số nội dung:

1. Việc triển khai thực hiện chủ đề năm “Chăm lo việc làm, đời sống cho người lao động; phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam”, trong đó:

- Về chăm lo việc làm, đời sống cho người lao động: Việc tổ chức triển khai các quy định mới của pháp luật liên quan đến người lao động; việc kết nối thông tin về cung - cầu lao động giúp NLĐ có việc làm, doanh nghiệp ổn định sản xuất; Hoạt động chăm lo phúc lợi cho đoàn viên; Công tác kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với NLĐ bị ảnh hưởng do Covid-19.

- Công tác tuyên truyền giáo dục: Việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động; tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động trong công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo việc làm, ổn định

¹. Công tác tham gia quản lý, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ; Hoạt động chăm lo đời sống cho đoàn viên; Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho đoàn viên, CNVCLĐ và hoạt động “Tháng công nhân” năm 2022; Kết quả thực hiện các phong trào thi đua; Công tác phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh; Công tác Nữ công; Công tác Tài chính; hoạt động của UBKT.

thu nhập cho người lao động; Kết quả triển khai Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong CNLĐ tại doanh nghiệp đến năm 2030”.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao năm 2022.

3. Kết quả công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở, kết quả cập nhật thông tin đoàn viên và đổi thẻ đoàn viên công đoàn.

4. Kết quả tổ chức hoạt động Tháng công nhân và tháng hành động về ATVSLĐ năm 2022.

5. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, hướng dẫn của công đoàn cấp trên.

*** Đánh giá chung**

- Ưu điểm

- Hạn chế, nguyên nhân


III. Nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022

IV. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Đề nghị các Ban LĐLĐ tỉnh xây dựng báo cáo kết quả các chuyên đề theo chức năng, nhiệm vụ của Ban; LĐLĐ các huyện, thành phố, CĐN xây dựng Báo cáo và kèm theo biểu mẫu thống kê số liệu ước thực hiện đến hết tháng 6/2022 theo mẫu đính kèm, gửi về Văn phòng LĐLĐ tỉnh **chậm nhất ngày 31/5/2022**
Email: vanphongldldnb@gmail.com./.

Nơi nhận:

- Như trên (qua Website);

- Lưu: VT 

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Kim Long

TÊN ĐƠN VỊ:.....

BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với NLĐ				
1	Số doanh nghiệp còn nợ lương người lao động	DN		
	Tổng số tiền lương doanh nghiệp còn nợ người lao động	triệu đồng		
2	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN		
	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng		
3	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra Trong đó:	vụ		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	vụ		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
4	Công tác an toàn, vệ sinh lao động			
	+ Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ		
	+ Số vụ tai nạn chết người	“		
	+ Số người chết	người		
5	Số người mắc bệnh nghề nghiệp (mắc mới trong kỳ báo cáo)	“		
6	Số doanh nghiệp có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN		
	Số An toàn vệ sinh viên	Người		
II. Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động				
7	Doanh nghiệp có Thỏa ước lao động tập thể. Trong đó:			
	+ Doanh nghiệp nhà nước	DN		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		
8	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CD, CC, VC			
	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, VC	đơn vị		
9	Số DN nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động	DN		
	Số doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có tổ chức hội nghị người lao động	“		
	Số DN Nhà nước có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	Cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	Số doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước có tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN		
	+ Đối thoại định kỳ	Cuộc		
	+ Đối thoại đột xuất	“		
11	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong đó:	DN		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	“		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước	“		
12	Số người được tư vấn pháp luật	Lượt người		
13	Số người được bảo vệ tại toà án	Người		
14	Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ chính trị			
	+ Số cuộc công đoàn chủ trì giám sát	Cuộc		
	+ Số cuộc công đoàn tham gia giám sát	“		
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	“		
15	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	Lượt người		
	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	Nghìn đồng		
	Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	Người		
	Số tiền hưởng lợi	Nghìn đồng		
16	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, NLĐ và các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ)			
	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	Nghìn đồng		
	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm công đoàn”	Nhà		
	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	Nghìn đồng		
17	Quỹ quốc gia về việc làm			
	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	Triệu đồng		
	+ Số người được vay	Người		
III. Công tác thi đua				
18	Số sáng kiến được công nhận	Sáng kiến		
	Giá trị làm lợi	Triệu đồng		
	Tiền thưởng sáng kiến	“		
19	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	CT, SP		
	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	Triệu đồng		
20	Số người đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở	Người		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục				
21	Số đoàn viên, NLĐ được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của công đoàn	Lượt người		
22	Số đoàn viên, NLĐ được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	Lượt người		
23	Số đoàn viên và nld được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	Lượt người		
V. Công tác nữ công				
24	Số công đoàn cơ sở khu vực HCSN, DNNN có từ 10 nữ đoàn viên trở lên. Trong đó:	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong kỳ b/cáo	“		
25	Số CĐCS khu vực ngoài NN có từ 10 nữ trở lên	CĐCS		
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC		
	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập trong kỳ báo cáo	BNC		
26	Tổng số uỷ viên Ban nữ công quần chúng. Trong đó	Người		
	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	“		
	+ CĐCS khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ CĐCS ngoài khu vực nhà nước	“		
27	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, Trong đó	người		
	+ Khu vực HCSN và DNNN	“		
	+ Khu vực ngoài Nhà nước	“		
VI. Công tác kiểm tra				
28	CĐ cấp trên trực tiếp cơ sở tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp	Cuộc		
VII. Công tác tổ chức				
29	Tổng số CNVCLĐ			
30	Tổng số đoàn viên công đoàn. Trong đó:	Người		
	+ Tổng số đoàn viên kết nạp mới	“		
	+ Tổng số đoàn viên giảm	“		
	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm) thực tế	“		
31	Tổng số CĐCS. Trong đó:	CĐCS		
	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	“		
	+ Doanh nghiệp nhà nước	Đoàn viên		
	+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước	“		
	+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	“		

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	Số doanh nghiệp có 25 công nhân lao động trở lên. Trong đó:	DN		
	Số doanh nghiệp đã thành lập công đoàn cơ sở	DN		
33	Số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	Người		
	Số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn			
34	Số đoàn viên công đoàn được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	Người		
	Số đoàn viên công đoàn được kết nạp Đảng	Người		
35	Số công đoàn cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		Lấy số liệu năm trước kỳ BC
	Số CĐCS ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	CĐCS		